

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST

Ngày: 11-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc
2. Ông Hoàng Đình Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Vũ K, sinh năm: 1992 tại tỉnh Tây Ninh. Hộ khẩu thường trú và Nơi cư trú hiện nay: ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Lực; và bà Nguyễn Thị Mẽ; Bị cáo có chung sống với Bùi Thị Trúc Vy, hiện không còn chung sống với nhau nữa; có 01 con chung là Bùi Duy Chí sinh năm 2010, Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “Có mặt”.

Bị hại: Anh Dương Minh N, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Ông: Mã Thành Đ, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản nên khoảng 00 giờ 05 phút ngày 11/02/2019, Nguyễn Vũ K, ngụ ấp 1, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh đến nhà anh Dương Minh N, sinh năm 1987, ngụ cùng ấp. K đi từ cửa sau vào nhà anh N và quan sát lúc gia đình anh N đang ngủ, K lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus trên đầu tủ lạnh và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 trên đầu tủ chén đĩa đặt cạnh nhau bên trong nhà bếp của anh N. Khoảng 11 giờ ngày 11/02/2019, K cùng Phương (bạn quen biết được khoảng 01 năm) đem điện thoại hiệu Iphone 5 đến tiệm cầm đồ T thuộc xã P, huyện C cầm cố được 700.000 đồng, ghi tên người cầm cố là P. K không nói cho P biết điện thoại K đem đi cầm cố do trộm cắp mà có. K gắn thẻ sim khác vào điện thoại hiệu Iphone 6 Plus để sử dụng cho cá nhân. Khoảng 02 giờ ngày 11/02/2019, anh N phát hiện điện thoại bị mất trộm nên trình báo Công an. Đến ngày 14/02/2019, K đến Công an xã P đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản là điện thoại của anh N.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 15/3/2019 của HĐĐG tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện C kết luận: Một ĐTĐĐ nhãn hiệu Apple Loại Iphone 5, màu vàng, Imel: 013439004163627 có giá 1.000.000 đồng; Một ĐTĐĐ nhãn hiệu Apple Loại Iphone (s), 6 Plus, màu vàng, IC: 579C-E2944A có giá 5.000.000 đồng. Tổng cộng 6.000.000 đồng.

-Anh Dương Minh N khai: Điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 5 và một điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone(s), 6 Plus, là thuộc quyền sở hữu của anh đã bị Nguyễn Vũ K lấy trộm vào ngày 11/02/2019. Ngày 23/5/2019 anh đã nhận lại hai chiếc điện thoại trên do Cơ quan Công an giao và không yêu cầu bị cáo K bồi thường gì thêm.

-Anh Mã Thành Đ khai: Anh là chủ tiệm cầm đồ. Ngày 11/02/2019, anh có nhận cầm một điện thoại Iphone 5 của P mang tới cầm với giá 700.000 đồng. Khi nhận cầm cố điện thoại anh không biết tài sản này do K phạm tội mà có. Ngày 14/02/2019 anh đã giao lại điện thoại trên cho cơ quan công an, và đã nhận lại số tiền 700.000 đồng do K giao trả. Anh không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 33/CT- VKSCT ngày 31 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Nguyễn Vũ K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo K đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị hại N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mã Thành Đ vắng tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã tranh luận và luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ K phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, Điều 51; Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại N, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên ghi nhận.

Lời nói sau cùng của bị cáo. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định Tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Vũ K đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt 02 điện thoại di động của anh N. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì Tổng giá trị tài sản của 2 chiếc điện thoại di động mà bị cáo chiếm đoạt là 6.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương,

gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, không an tâm lao động, sản xuất. Do đó cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tình trạng nhân thân của bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã ra đầu thú, Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Xét lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội và các tình tiết, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tiền do bị cáo trả và không ai có yêu cầu bồi thường nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Vũ K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Vũ K 06 tháng (sáu tháng) tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

-Ghi nhận bị hại Dương Minh N đã nhận lại một điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone5 và một điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone(s), 6Plus, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Ông Mã Thành Đ đã nhận số tiền 700.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Vũ K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên toà thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đội CSTHAHS & HTTP huyện C;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Công an huyện C;
- THA hình sự;
- PV 27;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

